

Mẫu Hợp Đồng Lao Động Song Ngữ Mới Nhất

Hợp đồng lao động song ngữ (Labor Contact)

Trong thời buổi kinh tế hội nhập, nhu cầu làm việc và hợp tác giữa doanh nghiệp nước ta và nước ngoài ngày càng nhiều, cho nên các hợp đồng lao động tiếng Anh xuất hiện ngày càng nhiều. Tuy nhiên việc hợp đồng lao động thường xảy ra những sai sót, ví dụ như không đúng mẫu hoặc nhiều nguyên nhân khác. Vì vậy hãy tham khảo bài viết dưới đây của eLib để nắm rõ hơn nhé.

1. Định nghĩa hợp đồng lao động song ngữ

Hợp đồng lao động là văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, trong đó quy định điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động. Hợp đồng lao động được ký kết theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, phù hợp với các quy định của pháp luật lao động.

2. Lưu ý khi sử dụng hợp đồng lao động bằng tiếng Anh

Khi làm hợp đồng lao động hoặc bất kì một hợp đồng nào bạn phải chú ý đến những yếu tố sau để tránh sai sót, mất quyền lợi hoặc hao tổn thời gian và tài sản:

2.1 Sử dụng từ ngữ chính xác

Làm hợp đồng lao động bằng tiếng Anh, điều đầu tiên phải chú ý đó là cách dùng từ. Việc dùng từ không đúng dễ xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp về sau.

2.2 Sử dụng đúng mẫu hợp đồng

Tuy có sự thay đổi về điều khoản, nhưng nhìn chung các hợp đồng đều có mẫu sẵn, hợp đồng lao động cũng vậy. Do đó khi làm hợp đồng lao động, bạn phải tìm hiểu kĩ mẫu hợp đồng lao động mới nhất và chính xác nhất để sử dụng.

Trong hợp đồng lao động phải có những thông tin sau đây:

– Về người sử dụng lao động

+ Họ tên (Full name)

+ Chức vụ (Position)

+ Đại diện cho công ty... (On behalf of...)

+ Địa chỉ (Address)

+ Tel/ Fax

– Về người lao động

+ Họ tên (Full name)

+ Ngày tháng năm sinh (Date of birth)

+ Trình độ – Chuyên môn (Degree – Profession)

+ Địa chỉ (Address)

+ Số CMND, ngày cấp, nơi cấp (ID card no..., Issue date, Issue at)

+ Số sổ lao động (Labor book no)

+ Điện thoại (Tel)

- *Phải áp dụng đúng điều luật*

Việc dựa vào các điều khoản trong luật định để áp dụng vào hợp đồng lao động là rất cần thiết. Đây là điều kiện để ràng buộc các bên thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đồng thời nếu có tranh chấp, mâu thuẫn xảy ra thì cũng dựa vào đó để giải quyết.

- *Đọc lại hợp đồng trước khi kí*

Tuy đã được thỏa thuận là vậy nhưng khi được thỏa thuận trên văn bản thì không gì có thể chắc chắn tất cả được tất cả những nội dung trên đó là đúng với thỏa thuận trước đó của các bên. Việc đọc lại hợp đồng có thể giúp bạn phát hiện những lỗi sai để kịp thời chỉnh sửa.

3. Điều khoản và công việc trong hợp đồng (Term and job in labor contract)

– *Loại hợp đồng*: Xác định thời hạn, tính từ... đến... (Kind of Contract: Limited, commencing on to.....)

Người sử dụng lao động có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nêu trên nếu người lao động không đáp ứng yêu cầu công việc. (The Employer holds the right to terminate the Contract if the Employee does not satisfy the requirement of work).

– *Địa điểm làm việc* (Working place).

– *Chức vụ/chức danh chuyên môn* – Bộ phận (Position/Profession – Department).

– *Mô tả công việc*: Các công việc theo sự phân công của lãnh đạo công ty (Job description: All tasks as assigned by the company's management).

– *Thời gian làm việc*: Theo thời gian biểu do công ty quy định (Working time: Follow the working times regulated by the company).

Soạn thảo HĐLĐ bằng tiếng anh có thể sử dụng Bộ Luật Lao Động Việt Nam hoặc sử dụng Luật lao Động nước ngoài, nhưng cho dù bằng Luật nào đi chăng nữa thì Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản và được làm thành 02 bản, người lao động giữ 01 bản, người sử dụng lao động giữ 01 bản, trừ trường hợp quy định khác.

Đối với HĐLĐ bằng tiếng anh cho người nước ngoài xin việc tại các công ty Việt Nam:

Cơ sở pháp lý:

– Bộ luật Lao động 2012;

– Nghị định số 102/2013/NĐ-CP; và

– Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH.

1. Hằng năm, công ty có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được và báo cáo giải trình với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi công ty đặt trụ sở chính. Trong quá trình thực hiện nếu thay

đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài thì công ty phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và xin chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban.

2. Trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày công ty dự kiến tuyển người lao động nước ngoài, công ty phải báo cáo giải trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 102/2013/NĐ-CP về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, bao gồm: vị trí công việc, số lượng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, mức lương, thời gian làm việc và nộp trực tiếp tới Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi công ty đặt trụ sở chính (theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 03/2014/TT-BLĐTBXH).

3. Sau đó, nếu công ty có thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài thì phải nộp trực tiếp báo cáo giải trình điều chỉnh, bổ sung trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến tuyển mới, tuyển thêm hoặc tuyển để thay thế người lao động nước ngoài với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi công ty đặt trụ sở chính (theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 03/2014/TT-BLĐTBXH).

4. Công ty phải làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài (Điều kiện được cấp và thành phần hồ sơ xin cấp bạn vui lòng tham khảo thêm tại bài viết Hồ sơ cho người lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam trên trang web công ty). Thời hạn giấy phép lao động sẽ tùy theo hợp đồng lao động dự kiến ký kết nhưng không quá 02 năm. Hết thời hạn trên giấy phép lao động, công ty phải làm thủ tục cấp lại giấy phép lao động nếu muốn tiếp tục hợp tác với người lao động nước ngoài.

4. Mẫu hợp đồng lao động song ngữ (Labour Contract)

Mẫu 1:

<p>CÔNG TY</p> <p>.....</p> <p>Số: VL-.../LTD.</p> <p><i>Independence – Freedom – Happiness</i></p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p><i>THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</i></p>
---	--

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

LABOR CONTRACT

Được ban hành theo Thông tư số/20...../TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 20..... của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội

Issued under the Circular No...../20...../TT-BLDTBXH dated September 20.... of the Ministry of Labor, Invalid and Social Affairs

Chúng tôi, một bên là: Ông/Bà

We are, from one side: Mr/Ms.

Chức vụ:.....

Position:.....

Đại diện cho:

On behalf of:.....

Địa chỉ:

Address:

Tel: 04..... Fax: 04

Và một bên là:

And from other side:

Ngày sinh: .../.../.....

Date of birth:.....

Trình độ: Chuyên môn:

Degree: Profession:

Địa chỉ:

Home address:.....

CMND số: Cấp ngày: .../.../..... Tại:.....

ID card no #: Issue date: Issue at:.....

Sổ lao động số (nếu có):

Labor book no (If any)

Điện thoại:

Tel:

Đồng ý ký hợp đồng lao động này (Hợp đồng) với những điều khoản và điều kiện như sau:

Agreed to sign this labor contract (the "Contract") with the following terms and conditions:

Điều 1: Điều khoản và công việc trong Hợp đồng

Article 1: Term and job in labor contract

1.1. Loại Hợp đồng: Xác định thời hạn, tính từ/.../20..... đến: ../.../20.....

Kind of Contract: Limited, commencing on to:

Người sử dụng lao động có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn nêu trên nếu người lao động không đáp ứng yêu cầu công việc.

The Employer holds the right to terminate the Contract if the Employee does not satisfy the requirement of work.

1.2. Địa điểm làm việc: Công ty TNHH

Working place: Co., Ltd.

1.3. Chức vụ/chức danh chuyên môn:.....Bộ phận:.....

Position/Profession:..... Department:..... 1.4.

Mô tả công việc: Các công việc theo sự phân công của lãnh đạo Công ty.

Job description: All tasks as assigned by the company's management

Điều 2: Thời gian làm việc

Article 2: Working Hour

Thời giờ làm việc:.....

Working time:

Điều 3: Quyền lợi và nghĩa vụ của Người lao động

Article 3: Obligations, right and benefit of the Employee

3.1. Quyền lợi của người lao động

Right and benefits of the Employee

Đồng phục: Được trang bị đồng phục và bảo hộ lao động

Uniform: Provided with uniform and labor safety facility

Phương tiện đi lại: Theo quy định của Công ty

Mean of Transportation: As regulated by the Company

Lương tháng:

Monthly salary:

- Lương cơ bản:.....

- *Basic salary:*.....

- Phụ cấp trách nhiệm:.....

- *Executive allowance:*.....

- Tổng lương:.....

- *Total:*.....

Hình thức trả lương:.....

Method of Payment:

Bank transfer/in cash.

Tăng lương:.....

Salary Increment: According to the Company's Policies

Thưởng: Theo quy định của Công ty

Bonus: According to the Company's Policies

Đào tạo: Theo chương trình và kế hoạch của Công ty.

Training: According to the training schedule and plan arranged by the Company.

Chế độ nghỉ ngơi: Theo quy định của Công ty và pháp luật về lao động hiện hành.

Time of Rest: According to the Company's Labor Regulation and current labor regulations.

Bảo hiểm xã hội và y tế: Người lao động được đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội đúng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Social & health insurance: Social and health insurance of the Employee will be paid in accordance with the regulations on insurance.

3.2. Nghĩa vụ của người lao động

Obligations of the Employee

- Hoàn thành công việc mình đảm trách nêu trong Hợp đồng, chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, bảo vệ tài sản của Công ty và sẽ chịu trách nhiệm bồi thường những tài sản bị hư hỏng do vô ý, bất cẩn hay cầu thả hoặc bị mất cắp khi chuyển giao.
- *Fulfill the Job undertaken in this contract, to comply with production and business orders, protect the properties of the Company and shall compensate for damage or loss properties incurred by the Company due to carelessness, negligence or stolen.*
- Nghiêm túc tuân thủ và tôn trọng thời hạn và các cam kết trong hợp đồng. Bồi thường cho Công ty các chi phí đào tạo và/hoặc các cam kết trách nhiệm bằng tiền nêu trong Hợp đồng này hoặc trong quy định của Công ty trong trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn mà không được sự đồng ý của lãnh đạo Công ty.
- *Strictly follow and respect the term of and commitment in the Labor contract. Compensate to the Company all training expenses and/or monetary commitment mentioned in the Labor contract and/or in labor regulations of the Company in the case the Employee intentionally terminate the Labor contract without approval of the director of the Company.*
- Nghiêm túc tuân thủ và tôn trọng các yêu cầu của lãnh đạo, các nội quy và quy định của Công ty.
- *Strictly follow the instruction of management level, rules and regulations in the Company*

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Người sử dụng lao động

Article 4: Obligations and rights of the Employer

4.1. Nghĩa vụ của Người sử dụng lao động

Obligations of the Employer

- Đảm bảo việc làm và thực hiện đầy đủ các điều đã cam kết trong hợp đồng;
- *Ensure the work and completely fulfill all the commitment in the Contract.*
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng.
- *Duly and in time settle all the rights and obligations to the Employee in accordance with the Contract.*

4.2. Quyền hạn của người sử dụng lao động

Rights of the Employer

- Có quyền đình chỉ hoặc áp dụng hình thức kỷ luật theo Luật lao động và Nội quy lao động hoặc chấm dứt Hợp đồng đối với Người lao động vi phạm nội quy, quy định của Công ty hoặc không đáp ứng các yêu cầu về sức khỏe cũng như chuyên môn.
- *Has the right to suspend or apply disciplinary measures according to labor law and regulations or terminate the contract of the Employees who has violated the regulations, rule of the Company or the health and ability could not meet the requirement of work..*
- Người sử dụng lao động có quyền điều chuyển Người lao động sang nơi làm việc khác mà Người sử dụng lao động điều hành hoặc làm chủ theo quy định của pháp luật.
- *Employer reserves the right to transfer the Employee to other property which is owned or managed by the Employer in accordance to the law and regulations.*

Điều 5: Điều khoản chung**Article 5: General provisions**

5.1. Hợp đồng này được làm và ký ngày: *../.../20.....* tại Bà Rịa - Vũng Tàu

This contract is made and signed on: in Baria-Vungtau City

5.2. Hợp đồng này được làm thành 2 bản, Người sử dụng lao động giữ 1 bản và Người lao động giữ 1 bản.

This Contract is made in 2 copies, 1 copies will be kept by the Employer and 1 copy to be kept by the Employee.

Người lao động

Employee

(Ký tên)

Ghi rõ Họ và Tên

Người sử dụng lao động

Employer

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi rõ Họ và Tên

Mẫu 2:

<p>CÔNG TY..... Số: ... / 2019/HĐLĐ</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</p> <p>....., ngày ... tháng ... năm 2019.</p>
--	--

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
LABOR CONTRACT

Căn cứ bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ bộ luật lao động năm 2012;

Theo nhu cầu của hai bên;

Pursuant to the 2015 Civil Code;

Pursuant to the 2012 Labor Code;

According to the needs of both parties;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2019, tại địa chỉ.....

Today, date ... month ... 2019, at address

Chúng tôi gồm có:

We include:

Bên A:

Bà

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho công ty

Bên B:

Họ và tên:

Ngày sinh:

Date of birth:

Trình độ:..... Chuyên môn:

Degree: Profession:

Địa chỉ:

Home address:

CMND số: Cấp ngày: Tại:

.....

ID card no #: Issue date:..... Issue at:

Điện thoại:

Tel:

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất cùng nhau ký hợp đồng lao động với nội dung sau đây:

After reaching an agreement, the two parties agree to sign a labor contract with the following content:

Điều 1: Đối tượng của hợp đồng

Article 1: Subject of the contract

– Loại hợp đồng:

Type of contract:

– Địa điểm làm việc.....

Working place:

– Chức vụ/chức danh chuyên môn: Bộ phận:

Position/Profession:.....

– Mô tả công việc: Các công việc theo sự phân công của lãnh đạo Công ty.

Job description: All tasks as assigned by the company's management

Điều 2: Thời giờ làm việc

Article 2: Working time

Theo thời gian biểu do Công ty quy định.

Follow the working times regulated by the Company

Điều 3: Quyền lợi và nghĩa vụ của Người lao động

Article 3: Obligations, right and benefit of the Employee

3.1. Quyền lợi của người lao động

3.1. Rights of employees

– Được hưởng lương tháng cơ bản là: đồng

The basic monthly salary is: VND

– Phụ cấp trách nhiệm: USD

Allowance for responsibilities: USD

– Hình thức trả lương: Lương được tính và được thanh toán bằng chuyển khoản/tiền mặt vào ngày 5 của tháng kế tiếp.

Pay forms: Salary to be calculated and paid on the fifth of the following month by Bank transfer/in cash.

– Người lao động được đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội đúng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Social and health insurance of the Employee will be paid in accordance with the regulations on insurance.

3.2. Nghĩa vụ của người lao động

3.2. Obligations of employees

– Hoàn thành tốt công việc, nhiệm vụ được giao

Good job, assigned tasks

– Nghiêm chỉnh thực hiện theo hợp đồng lao động đã ký kết

Strictly comply with the signed labor contract.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Người sử dụng lao động

Article 4: Obligations and rights of the Employer

4.1. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động

4.1. Obligations of employees

– Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng.

Duly and in time settle all the rights and obligations to the Employee in accordance with the Contract.

– Tạo điều kiện để người lao động hoàn thành tốt công việc của mình

Create conditions for employees to well perform their jobs

4.2. Quyền hạn của người sử dụng lao động

4.2. Rights of the Employer

– Có quyền sắp xếp vị trí làm việc, điều chuyển vị trí người lao động theo yêu cầu của công việc.

Having the right to arrange working positions and to transfer employees' positions according to job requirements

– Áp dụng hình thức kỷ luật với người lao động khi có hành vi vi phạm hợp đồng lao động, nội quy lao động.

Applying disciplinary measures to employees when committing violations of labor contracts and labor regulations.

Điều 5: Điều khoản chung

Article 5: General provisions

- Các bên đã được xem xét kỹ lưỡng và được nghe lại hợp đồng trước khi ký

The parties have been scrutinized and heard the contract before signing

- Hợp đồng này được làm thành 2 bản, Người sử dụng lao động giữ 1 bản và Người lao động giữ 1 bản.

This Contract is made in 2 copies, 1 copies will be kept by the Employer and 1 copy to be kept by the Employee.

Người sử dụng lao động Employer	Người lao động Employee
--	--

Mẫu 3:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Independence – Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

LABOUR CONTRACT

(Ban hành theo Thông tư số 30/2013/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2013 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội)

Issued under the Circular of the Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs No 30/2013/TT-BLĐTBXH on 25 October 2013)

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: _____ Quốc tịch: _____

We are, Mr. /Mrs. _____ Nationality: _____

Chức vụ: _____

Position: _____

Đại diện cho: _____ On behalf of: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Telephone: _____ Fax: _____

Địa chỉ: _____

Address: _____

Theo Giấy ủy quyền số _____ ký ngày _____ của _____

Under Power of Attorney No. _____ dated on _____ of _____

Sau đây gọi tắt là “Người sử dụng lao động”: _____

Hereinafter referred to as “the Employer”: _____

Và một bên là Anh/Chị: _____ Quốc tịch: Việt Nam

And from other side, Mr. / Ms. _____ Nationality: Viet Nam

Sinh ngày: _____

Date of birth: _____

Địa chỉ : _____

Address: _____

Số Hộ chiếu/CMND: _____ Cấp ngày: _____ tại: _____

Passport/ ID Card No: _____ Issued on: _____ by: _____

Sau đây gọi tắt là “Người lao động”

Hereinafter referred to as “the Employee”

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Hereby agree to sign this labour contract and commit to implement the following provisions:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

Article 1: Term and work of contract

– Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng xác định thời hạn _____ năm

Categories of labour contract: _____ year definite contract

– Thời hạn hợp đồng: từ _____ đến _____

Term of labour contract: from _____ to _____

– Địa điểm làm việc: _____

Place of work: _____

- Bộ phận: _____

Department: _____

Chức vụ (nếu có): _____

Position (if any): _____

– Công việc phải làm: _____

Job description: _____

Điều 2: Chế độ làm việc

Article 2: Work regime

– Thời gian làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6, từ 8h00 đến 17h00 (nghỉ trưa: từ 11h30 đến 12h30)

Time of work: Monday to Friday, from 8h00 to 17h00 (lunch time: from 11h30 to 12h30)

– Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: dụng cụ văn phòng

Providing with working equipments included: stationery

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của Người lao động

Article 3: Obligations, rights and benefits of the Employee

1. Quyền lợi:

1. Rights and benefits:

– Phương tiện đi lại làm việc: tự túc

Means of transport for working: self-provided

– Mức lương chính hoặc tiền công: _____ VNĐ / tháng

Basic salary or wages: _____ VND /per month

– Phụ cấp khác (Other Allowance): _____

– Hình thức trả lương: Chuyển khoản, chi phí liên quan đến chuyển khoản do Người sử dụng lao động chịu.

Form of paying salary: Remittance, expenses related to transfer shall be borne by the Employer.

– Được trả lương vào các ngày _____ hàng tháng.

To be paid monthly on day of _____

– Tiền thưởng: Theo quy định của Người sử dụng lao động.

Bonus: Based on the Employer's policies

– Chế độ nâng lương: Theo quy định của Người sử dụng lao động.

Regime for advancement in salary grades: Based on the Employer's policies

– Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo quy định của Bộ luật lao động Việt Nam hiện hành.

Providing with protection equipment included: Based on applicable Vietnam Law of Labour.

– Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): 12 ngày phép và 10 ngày Lễ, Tết theo qui định hiện hành.

Time of rest (weekly leave, annual leave, and public holiday...): 12 days of annual-leave and 10 days of public holidays according to the applicable law.

– Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp: BHXH là 26%; BHYT là 4.5%; BHTN là 2%. Trong đó, người sử dụng lao động đóng 18% BHXH; 3% BHYT; 1% BHTN, người lao động đóng 8% BHXH; 1.5% BHYT; 1% BHTN.

Social insurance, Health insurance and Unemployment insurance: Social insurance rate is 26%; Health insurance rate is 4.5%; Unemployment insurance rate is 2%. In particular, the Employer shall contribute 18% of Social insurance rate; 3% of Health insurance rate; 1% of Unemployment insurance rate; and the Employee shall contribute 8% of Social insurance rate; 1.5 % Health insurance; 1% of Unemployment insurance rate.

– Chế độ đào tạo: Theo thỏa thuận giữa Người sử dụng lao động và Người lao động trong những trường hợp cụ thể hoặc theo quy định chung của Người sử dụng lao động

Regime for vocational training: Under agreement between the Employer and the Employee in the particular case or under the general provisions of the Employer

– Những thỏa thuận khác: Không

Other agreements: None

2. Nghĩa vụ:

2. Obligations

– Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

To fulfill the works undertaken in this labour contract.

– Chấp hành lệnh điều hành sản xuất- kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...

To comply with production and business orders, internal labour discipline and occupational safety regulations

– Phải thông báo và gửi một bản sao Hợp đồng lao động của từng Người sử dụng lao động tương ứng trong trường hợp làm việc tại nhiều Người sử dụng lao động cùng một thời điểm.

To notify and send a copy of labour contract of each the Employer for which the Employee works respectively in case the Employee working for multi companies in the same time.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động:

Article 4: Obligations, rights and benefits of the Employer

1. Quyền lợi:

1. Rights and benefits

– Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).

To manage the Employee to fulfill the works in accordance with labour contract (assign, appoint, postpone...)

– Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể

(nếu có) và nội quy lao động của Người sử dụng lao động .

To postpone, terminate the labour contract, penalty the Employee in accordance with the law, collective labour agreement (if any) and internal labour regulations of the Employer.

2. Nghĩa vụ:

2. Obligations:

– Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

To ensure the employment and fully implement committed regulations in labour contract

– Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có)

To pay fully and on time all remunerations and other fringe benefits of the Employee in accordance with labour contract, collective labour agreement (if any).

Điều 5: Điều khoản thi hành

Article 5: Implementation provisions

– Các bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn nhưng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và phải thông báo bằng văn bản đối với bên kia.

+ 30 ngày: đối với Hợp đồng lao động xác định thời hạn

+ 45 ngày: đối với Hợp đồng lao động không xác định thời hạn

Either party may terminate the labour contract in accordance with regulation of applicable Vietnam Law on Labour and must give a prior notice to the other party at least:

+ 30 days: definite labour contract

+ 45 days: indefinite labour contract

– Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của Luật Lao động Việt Nam.

The problem concerning with labour is not defined in labour contract shall be applied with provisions of collective labour agreement. In case of not having collective labour agreement shall be governed by applicable Vietnam Law on Labour.

– Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2014. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

This labour contract is made in 2 copies of equal validity, each party keeps one copy and comes into force on 1st April 2014. When both parties sign appendix of labour contract, the content of appendix shall be valued as the contents of this labour contract.

Hợp đồng này làm tại _____

This labour contract is made at _____

NGƯỜI LAO ĐỘNG

THE EMPLOYEE

(Ký và ghi rõ họ tên/ Sign and full name)

Tên/Name: _____

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

THE EMPLOYER

Thay mặt và đại diện cho _____

Represented for _____

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu/ Sign, full name and Seal)

Tên/ Name: _____

Chức vụ/ Position: _____

Mẫu 4: Mẫu hợp đồng lao động ở nước ngoài**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI**(Giữa người lao động và doanh nghiệp)**

Hợp đồng đi làm việc có thời hạn tại nước [TEN NUOC]

Hôm nay, ngày [NGAY] tháng [THANG] năm [NAM]

Chúng tôi gồm:

1. Tên doanh nghiệp Việt Nam:.....

- Đại diện là Ông, Bà: [HO VA TEN].....

- Chức vụ: [CHUC VU].....

- Địa chỉ cơ quan: [DIA CHI DOANH NGHIEP].....

- Điện thoại: [SO DT].....

2. Họ và tên người lao động:

- Ngày, tháng, năm sinh: [NGAY THANG NAM SINH].....

- Số hộ chiếu: [SO HO CHIEU]; ngày cấp: [NGAY CAP].....

- Số chứng minh thư: [SO CMND]; ngày cấp:[NGAY CAP].....

Cơ quan cấp: Công an Tỉnh (TP) [TEN TINH THANH PHO]; nơi cấp: [TEN TINH, THANH PHO].....

- Địa chỉ trước khi đi: [DIA CHI].....

- Nghề nghiệp trước khi đi: [NGHE NGHIEP].....

- Khi cần báo tin cho: [TEN NGUOI NHAN TIN]; địa chỉ: [DIA CHI]

Hai bên thỏa thuận và cam kết thực hiện các điều khoản hợp đồng sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc của hợp đồng:

- Thời hạn hợp đồng: [SO THANG HOAC NAM].....
- Thời gian thử việc: [SO THANG THU VIEC].....
- Thời gian làm việc: [SO GIO/NGAY VA SO NGAY/TUAN, NGAY NGHI]
- Nước đến làm việc: [TEN NUOC].....
- Nơi làm việc của người lao động: [GHI RO NOI LAM] (nhà máy, công trường...).
- Loại công việc:
- Thời gian làm việc được tính từ khi chủ sử dụng lao động bố trí việc làm.

Điều 2: Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động:

A – Quyền lợi:

1. Tiền lương theo hợp đồng mà doanh nghiệp Việt Nam ký với tổ chức kinh tế nước ngoài: [SO TIEN]/ tháng.
2. Tiền lương làm thêm giờ [SO TIEN/GIO] (ghi rõ mức được hưởng nếu có) .
3. Tiền thưởng: [SO TIEN NEU CO].
4. Chi trả lương: [TAI DAU, AI TRA]
5. Điều kiện ăn, ở: (ghi rõ chỗ ở miễn phí hay tự trả, diện tích nơi ăn, ở, điều kiện ở chống nóng, chống lạnh, đệm, giường, nhà tắm, nhà vệ sinh...).
6. Được hưởng bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định của ai?
7. Trong thời gian làm việc tại nước ngoài lao động bị ốm nặng ai chịu tiền viện phí (ghi rõ).
8. Được cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động (ghi rõ ai cung cấp).
9. Chi phí vé đi và về và chi phí đi lại từ nơi ở đến nơi làm việc của người lao động (ghi rõ ai chi phí).

B – Nghĩa vụ của người lao động:

1. Người lao động phải qua kiểm tra sức khỏe và làm hồ sơ gồm: lý lịch có xác nhận của cấp phường, thị trấn, xã, mẫu đơn xin cấp hộ chiếu được cấp tỉnh đồng ý cho xuất cảnh.
2. Thực hiện đầy đủ các điều kiện thuộc trách nhiệm, nghĩa vụ của người lao động trong các hợp đồng đã ký kết: giữa doanh nghiệp Việt Nam với người lao động và tổ chức kinh tế nước ngoài.
3. Tự chịu trách nhiệm về những thiệt hại do người lao động gây ra trong thời gian sống làm việc tại [TEN NUOC DEN LAO DONG]
4. Phải nộp cho doanh nghiệp Việt Nam trước khi đi một khoản tiền sau:
Tiền đặt cọc theo quy định là: [SO TIEN]
Tiền phí dịch vụ: [SO TIEN DICH VU]
- Tiền bảo hiểm xã hội: [SO TIEN BAO HIEM]
- Tiền mua hộ một lượt vé máy bay từ Việt Nam đến nước làm việc (nếu có) [SO TIEN MUA VE MAY BAY NEU CO].....

- Các khoản phí khác: [SO TIEN NEU CO].....

5. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nước đến làm việc, nội quy, quy chế, chế độ làm việc của doanh nghiệp tiếp nhận lao động.

6. Không được tham gia các hoạt động chính trị hoặc hội họp bất hợp pháp, không được đình công hoặc vận động, đe dọa, lôi kéo người khác đình công trái pháp luật.

7. Thực hiện đúng thời gian làm việc ở doanh nghiệp, xí nghiệp được chỉ định cho đến khi hết hạn hợp đồng, không được bỏ trốn sang làm việc ở doanh nghiệp khác. Khi kết thúc hợp đồng phải về nước không ở lại bất hợp pháp. Nếu đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc vi phạm hợp đồng, phải bồi hoàn thiệt hại cho doanh nghiệp, mức độ bồi thường theo các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam và nước đến làm việc.

Điều 3: Trách nhiệm và quyền hạn của doanh nghiệp Việt Nam:

A – Quyền hạn:

1. Được thu các khoản tiền theo quy định tại mục B Điều 2 trên đây.
2. Giám đốc doanh nghiệp có quyền thi hành kỷ luật với các hình thức phê bình; cảnh cáo hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đối với người vi phạm hợp đồng và yêu cầu người lao động phải bồi thường mọi chi phí và thiệt hại do lỗi của người lao động gây ra (nếu có).

B – Trách nhiệm:

1. Hồ sơ làm thủ tục xuất cảnh, thủ tục với phía đối tác xin visa, mua vé máy bay, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, giáo dục định hướng bắt buộc cho người lao động trước khi đi ra nước ngoài.
2. Thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động theo Điều 2 mục A hợp đồng này.
3. Giám sát xí nghiệp tiếp nhận, sử dụng lao động về việc thực hiện các điều khoản trong hợp đồng cung ứng lao động và hợp đồng lao động đã ký bảo đảm quyền lợi cho người lao động.
4. Doanh nghiệp có trách nhiệm giữ khoản tiền đặt cọc, đảm bảo khi người lao động về nước nếu không gây thiệt hại cho doanh nghiệp thì phải hoàn trả lại cho người lao động kể cả tiền lãi, trả sổ BHXH, sổ lao động cho người lao động.
5. Quản lý người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài, trực tiếp giải quyết và xử lý các vấn đề phát sinh từ khi đưa đi đến khi thanh lý hợp đồng, chuyển trả về nơi trước khi đi.

Điều 4: Trách nhiệm thực hiện hợp đồng:

Hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, trường hợp một trong hai bên vi phạm sẽ bị xử phạt theo pháp luật hiện hành, quy trách nhiệm bồi thường vật chất theo mức độ thiệt hại do mỗi bên gây ra.

Điều 5: Gia hạn hợp đồng:

Trường hợp, hợp đồng giữa người lao động và xí nghiệp tiếp nhận được gia hạn thì doanh nghiệp Việt Nam và người lao động có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các khoản ghi tại Điều 2, Điều 3 của hợp đồng này.

Điều 6: Mọi tranh chấp phát sinh trên cơ sở hợp đồng này được giải quyết trước hết bằng thương lượng, hòa giải giữa hai bên; trường hợp không thương lượng, hòa giải được thì giải quyết theo pháp luật Việt Nam.

Điều 7: Hợp đồng này được làm thành hai bản, một bản do doanh nghiệp giữ, một bản do người lao động giữ để thực hiện, có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị trong thời hạn [SO NAM] năm.

Hai bên đại diện doanh nghiệp và người lao động đã đọc kỹ và hiểu rõ các điều khoản trên đây nhất trí ký tên.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

4. Hướng dẫn cách ghi hợp đồng lao động

Bước 1: Ghi cụ thể tên doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, ví dụ: Công ty Xây dựng Nhà ở Hà nội.

Bước 2: Ghi rõ tên nghề nghiệp (nếu có nhiều nghề nghiệp thì ghi nghề nghiệp chính), ví dụ: Kỹ sư.

Bước 3: Ghi rõ loại hợp đồng lao động, ví dụ 1: Không xác định thời hạn; ví dụ 2: 06 tháng.

Bước 4: Ghi cụ thể địa điểm chính, ví dụ: Số 2 - Đinh Lễ - Hà Nội; và địa điểm phụ (nếu có), ví dụ: Số 5 - Tràng Thi - Hà Nội.

Bước 5: Ghi các công việc chính phải làm, ví dụ: Lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện; thiết bị thông gió; thiết bị lạnh... trong doanh nghiệp.

Bước 6: Ghi cụ thể số giờ làm việc trong ngày hoặc trong tuần, ví dụ: 08 giờ/ngày hoặc 40 giờ/tuần.

Bước 7: Ghi rõ phương tiện đi lại do bên nào đảm nhiệm, ví dụ: xe đơn vị đưa đón hoặc cá nhân tự túc.

Bước 8: Ghi cụ thể tiền lương theo thang lương hoặc bảng lương mà đơn vị áp dụng, ví dụ: Thang lương A.1.Cơ khí, Điện, Điện tử - Tin học; Nhóm III; Bậc 4/7; Hệ số 2,04; Mức lương tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động là 428.400 đồng/tháng.

Bước 9: Ghi tên loại phụ cấp, hệ số, mức phụ cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động, ví dụ: Phụ cấp trách nhiệm Phó trưởng phòng; Hệ số 0,3; Mức phụ cấp 63.000 đồng/tháng.

Bước 10: Đối với người lao động thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì ghi tỷ lệ % tiền lương hằng tháng hai bên phải trích nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội, ví dụ: Hằng tháng người sử dụng lao động trích 6% từ tiền lương tháng của người lao động và số tiền trong giá thành tương ứng bằng 17% tiền lương tháng của người lao động để đóng 20% cho cơ quan bảo hiểm xã hội và 3% cho cơ quan Bảo hiểm y tế.

Đối với người lao động không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì khoản tiền bảo hiểm xã hội tính thêm vào tiền lương để người lao động tham gia Bảo hiểm tự nguyện hoặc tự lo lấy bảo hiểm, ví dụ: Khoản tiền bảo hiểm xã hội đã tính thêm vào tiền lương cho người lao động là 17% tiền lương tháng.

Bước 11: Ghi cụ thể trường hợp đơn vị cử đi đào tạo thì người lao động phải có nghĩa vụ gì và được hưởng quyền lợi gì, ví dụ: Trong thời gian đơn vị cử đi học người lao động phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, được hưởng nguyên lương và các quyền lợi khác như người đi làm việc, trừ tiền bồi dưỡng độc hại.

Bước 12: Ghi những quyền lợi mà chưa có trong Bộ Luật Lao động, trong thỏa ước lao động tập thể hoặc đã có nhưng có lợi hơn cho người lao động, ví dụ: đi tham quan, du lịch, nghỉ mát, quà sinh nhật.

Bước 13: Ghi rõ mức bồi thường cho mỗi trường hợp vi phạm, ví dụ: Sau khi đào tạo mà không làm việc cho doanh nghiệp thì phải bồi thường 06 (sáu) triệu đồng; không làm việc đủ 02 năm thì bồi thường 03 (ba) triệu đồng.